TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-ST
Ngày: 14 - 5 - 2026
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Thuê.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Dũng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2025/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 27/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty cổ phần M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T1; chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Auto. (Văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGĐ ngày 29/8/2025).

Người được ông Nguyễn Phúc T1 ủy quyền lại:

+ Ông Nguyễn Trung T2; chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ.

+ Ông Bùi Anh V; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Cùng địa chỉ trụ sở chi nhánh: Tầng B, Tòa nhà C, số B phường Y, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 262/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 08/10/2025).

2/ *Bị đơn*: Ông Hoàng Hồng H, sinh năm 1980.

Địa chỉ ghi trong hợp đồng vay: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình).

Nơi ở hiện nay: Thôn H, phường D, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa có mặt ông V, ông H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Bùi Anh V trình bày:

Theo hợp đồng cho vay số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 1 số LN1712220400881 ngày 16/01/2018 thì ông Hoàng Hồng H có vay của Ngân hàng TMCP V1 (viết tắt là V2) số tiền 236.000.000 đồng, thời hạn

vay 83 tháng, mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô, lãi suất trong hạn là 9,4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên Hoàng Hồng H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và phụ lục số 04 văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Ngày 27/12/2024, V2 đã bán toàn bộ khoản nợ trên cho Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là công ty M) theo Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-Jupiter.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 110.474.569 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 62.596.079 đồng, trả nợ lãi là 47.878.490 đồng). Ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 05/12/2019 V2 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Nay công ty M yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Hồng H phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/3/2026 là 483.678.554 đồng; trong đó: nợ gốc là 173.403.921 đồng, lãi trong hạn là 2.136.047 đồng, lãi quá hạn là 227.970.186 đồng, lãi chậm trả là 80.168.401 đồng.

- Buộc ông Hoàng Hồng H phải chịu lãi suất từ ngày 11/3/2026 đến khi thanh toán xong số nợ trên.

- Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông H không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì công ty M có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên Hoàng Hồng H để thu hồi nợ.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Hồng H trình bày:

Nhất trí với việc đại diện theo ủy quyền của Công ty M trình bày về số tiền vay, lãi suất, tài sản thế chấp và thời điểm vi phạm hợp đồng, số tiền đã trả, số tiền còn nợ là đúng. Tuy nhiên, ông P và bà T3 có quan điểm xin được trả dần số tiền nợ gốc cho Công ty M, mỗi tháng ông bà sẽ trả cho Công ty M 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên và đề nghị miễn toàn bộ tiền lãi cho ông bà vì hiện tại ông bà làm ăn gặp rất nhiều khó khăn, không có khả năng thanh toán trả nợ cho Công ty M.

Đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 đăng ký mang tên Hoàng Hồng H thì ông H trình bày sau khi thế chấp chiếc xe này cho V2 để vay tiền thì ông bà vẫn được quyền quản lý sử dụng, tuy nhiên do ông sử dụng xe ô tô này đi làm ăn ở bên Trung Quốc, hết hạn đăng kiểm, không đủ thủ tục giấy tờ nên ông chưa mang tài sản này về Việt Nam được, ông xác định đã được Tòa án thông báo là phải mang xe ô tô trên về để tiến hành thẩm định nhưng hiện tại ông không thể mang xe ô tô trên từ bên Trung Quốc về Việt Nam được.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Anh V xuất trình 01 bảng tính lãi, theo đó số tiền mà Hoàng Hồng H còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2026) là 494.761.268 đồng; trong đó: Nợ gốc là 173.403.921 đồng, nợ

lãi trong hạn là 2.136.047 đồng, lãi quá hạn là 234.035.998 đồng, lãi chậm trả là 85.185.303 đồng. Ông Vũ G nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

- Bị đơn ông Hoàng Hồng H giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không thay đổi gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghỉ nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến nay đều thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đồng thời là người được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền là ông Trần Văn H1 chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 68, 144, 147, 184, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 155, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 100, 107 Luật Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2024; Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của J.

+ Buộc ông Hoàng Hồng H phải trả cho J tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2026) là 494.761.268; trong đó: Nợ gốc là 173.403.921đ, nợ lãi trong hạn là 2.136.047đ, lãi quá hạn là 234.035.998đ, lãi chậm trả là 85.185.303đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

+ Trường hợp ông Hoàng Hồng H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại, xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên ông Hoàng Hồng H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018. Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho J thì ông H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do không thực hiện được việc thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên ông Hoàng Hồng H nên các bên đương sự không phải chịu.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng cho vay số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 1 số LN1712220400881 ngày 16/01/2018 thì ông Hoàng Hồng H có vay của V2 số tiền 236.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô; bị đơn là ông Hoàng Hồng H khi ký kết hợp đồng cho vay thì có địa chỉ tại phường P, tỉnh Ninh Bình nên đây là vụ án tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Hoàng Hồng H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các bên vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về Hợp đồng tín dụng:

Theo hợp đồng cho vay số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 1 số LN1712220400881 ngày 16/01/2018 thì ông Hoàng Hồng H có vay của V2 số tiền 236.000.000 đồng, thời hạn vay 83 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô, lãi suất trong hạn là 9,4%/năm, lãi suất quá hạn nằng 150% mức lãi suất trong hạn, lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên ông Hoàng Hồng H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và phụ lục số 04 văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Đến ngày 05/12/2019 ông Hoàng Hồng H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 1 số LN1712220400881 ngày 16/01/2018, ông H không thanh toán trả tiền cho V2 theo đúng cam kết trong hợp đồng đã ký giữa đôi bên. V2 đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông H sang nợ quá hạn từ ngày 05/12/2019. Tính đến ngày 11/3/2026 ông H còn nợ V2 số tiền là 483.678.554đ; trong đó: nợ gốc là 173.403.921đ, lãi trong hạn là 2.136.047đ, lãi quá hạn là 227.970.186đ, lãi chậm trả là 80.168.401đ.

Như vậy, ông H đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cho vay hạn mức ký giữa hai bên về thời hạn và phương thức trả nợ. Do V2 đã bán 100% khoản nợ trên cho Jupiter nên việc J yêu cầu ông H thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2026) là 494.761.268; trong đó: Nợ gốc là 173.403.921đ, nợ lãi trong hạn là 2.136.047đ, lãi quá hạn là 234.035.998đ, lãi chậm trả là 85.185.303đ (đã xem xét bảng kê chi tiết tính lãi kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng cho vay số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 1 số LN1712220400881 ngày 16/01/2018; phù hợp với quy định tại các Điều 90, 100, 107 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

[4.2] Về Hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Hoàng Hồng H đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên ông Hoàng Hồng H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên ký Hợp đồng thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên ông Hoàng Hồng H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Do đó, J yêu cầu kê biên phát mại, xử lý tài sản thế chấp Jupiter thì J có quyền đòi nợ và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp với Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được chấp nhận.

Do việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền đòi nợ và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc được kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền nợ khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Tuy nhiên, phía ông H xác định xe ô tô nêu trên sau khi thế chấp cho V2 thì ông vẫn là người quản lý, sử dụng nhưng ông H đã dùng chiếc xe ô tô này để đi làm ăn ở bên Trung Quốc, do không đủ thủ tục giấy tờ nên ông không mang xe về Việt Nam được. Do đó yêu cầu ông H phải mang xe ô tô trên về Việt Nam để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc kể từ sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ: HĐXX thấy rằng yêu cầu của J phù hợp với quy định trong các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận tự nguyện giao kết và phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng. Đối chiếu với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất thì yêu cầu này của J có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do không thực hiện được viện xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp nên các bên không phải chịu số tiền này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hoàng Hồng H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 146, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 365, 357, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 90, Điều 100, Điều 107 Luật Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2024.

Căn cứ Điều 56, khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ; Điều 61 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M đối với ông Hoàng Hồng H, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Hoàng Hồng H phải trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2026) là 494.761.268; trong đó: Nợ gốc là 173.403.921đ, nợ lãi trong hạn là 2.136.047đ, lãi quá hạn là 234.035.998đ, lãi chậm trả là 85.185.303đ.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Hồng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (mức lãi suất hai bên thỏa thuận là lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng cho vay số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 1 số LN1712220400881 ngày 16/01/2018.

3/ Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Hoàng Hồng H không thực hiện việc trả nợ thì Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 90D – 002.73 mang tên ông Hoàng Hồng H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1712220400881 ngày 11/01/2018 và phụ lục số 04 văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Công ty cổ phần M còn thừa thì được trả lại cho ông H. Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Công ty cổ phần M, thì ông H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Hồng H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.790.450đ, làm tròn thành 23.790.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền 9.739.000đ mà ông Bùi Anh V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003368 ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Ngân